

Bản án số: 395/2023/DS-PT

Ngày: 23/8/2023

“V/v tranh chấp về hợp đồng  
hứa thưởng, hợp đồng vay tài sản  
và đòi lại tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

**Các Thẩm phán:** - Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Ông Đinh Chí Tâm;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2022/TLPT-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng hứa thưởng, hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Nguyễn Văn M:  
Luật sư Trần Hà Xuân P - Thành viên Chi nhánh Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số A, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Hồ Thị Xuân H, bà Võ Thị T là luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984;  
Địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.2. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1956;  
Địa chỉ: Tổ C, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965;  
Địa chỉ: Tổ F, Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960;  
Địa chỉ: Tổ F, Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.5. Anh Nguyễn Sa L, sinh năm 1988;  
Địa chỉ: Tổ A, Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.6. Anh Lê Quang T2, sinh năm 1974;  
Địa chỉ: Tổ A, Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.7. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969;  
Địa chỉ: Số D, Tổ A, Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
4. Người kháng cáo: Nguyễn Văn M là nguyên đơn, Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn B là chỗ quen biết thông qua việc trước đây anh M có giới thiệu cho ông B mua lúa của những nông dân để hưởng tiền huê hồng. Vào năm 2021 anh M có giới thiệu (cò lúa) cho ông B mua lúa của ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Sa L, anh Lê Quang T2 và ông Nguyễn Văn C. Hoa hồng mỗi tấn lúa anh M giới thiệu cho ông B mua là 30.000đ/tấn lúa, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ. Từ tháng 3/2021 cho đến tháng 5/2021, ông B chưa trả tiền hoa hồng cho anh M là 1000 tấn x 30.000đ/tấn thành tiền là 30.000.000đồng.

Ngoài ra, trong quá trình mua lúa, do ông B không trả đủ tiền mua lúa nên những người nông dân không cho ghe của ông B đi. Do đó, ông B có điện thoại cho anh M để vay tiền trả tiền mua lúa cụ thể như sau:

- Ngày 26/5/2021, ông B vay số tiền 67.000.000đồng để trả tiền mua lúa cho ông Lê Văn T1.

- Ngày 29/5/2021, ông B vay số tiền 10.800.000đồng để trả tiền mua lúa cho bà Nguyễn Thị D,

- Ngày 29/5/202, ông B vay số tiền 63.000.000đồng để trả tiền mua lúa cho bà Nguyễn Thị S.

- Ngày 29/5/2021, ông **B** vay số tiền 59.756.000đồng để trả tiền mua lúa cho anh **Nguyễn Sa L**

- Ngày 29/5/202, ông **B** vay số tiền 130.000.000đồng để trả tiền mua lúa cho anh **Lê Quang T2**.

- Ngày 29/5/2021, ông **B** vay số tiền 6.000.000đồng để trả tiền mua lúa cho ông **Nguyễn Văn C**.

Việc cho ông **B** vay tiền để trả tiền mua lúa cho ông **T1**, bà **D**, bà **S**, anh **L**, anh **T2** và ông **C** các bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm biên nhận, giấy tờ. Về thời hạn vay ông **B** thỏa thuận khoảng 03 đến 04 ngày sau khi bán xong gạo sẽ trả và không có thỏa thuận lãi suất.

Đồng thời, để vận chuyển lúa lên ghe thì ông **B** có thuê đội bốc vác của anh **Nguyễn Văn N** (do anh **N** làm đại diện) vác lúa xuống ghe cho ông **B**. Trong tháng 4/2021, đội bốc vác của anh **N** đã vác được 107 tấn, mỗi tấn là 60.000đồng thành tiền là 6.420.000đồng. Sau khi vác lúa xong, ông **B** cũng không có tiền để trả cho anh **N**. Ông **B** điện thoại vay tiền của anh **M** để trả tiền thuê bốc vác và anh **M** đã trực tiếp trả cho anh **N** số tiền trên. Việc ông **B** mượn tiền anh **M** để trả tiền bốc vác cho anh **N**, hai bên cũng chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ. Tổng cộng số tiền ông **B** vay là 342.976.000đồng.

Nay anh **M** yêu cầu ông **B** trả số tiền vay là 342.976.000đồng, tiền hoa hồng giới thiệu mua lúa là 30.000.000đồng và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 02/6/2021 đến ngày 02/5/2022 là 11 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 34.052.700đồng ( $372.976.000đ \times 0,83\%/tháng \times 11$  tháng). Tổng cộng 407.028.700đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông **B** anh **M** có ý kiến trình bày như sau: Anh **M** thừa nhận có nhận tiền của ông **B** 06 lần tổng số tiền 250.000.000đồng, sau đó anh **M** đã đặt cọc mua lúa của các nông dân sau:

- Đặt cọc mua lúa của ông **T3**, ở **T** (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) số lượng khoảng 58 tấn lúa với số tiền 22.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của ông **X** (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) số lượng 30 tấn lúa với số tiền 10.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của ông **Nguyễn Văn D1**, số lượng khoảng 30 tấn lúa với số tiền 16.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của ông **G** (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) số lượng khoảng hơn 70 tấn lúa với số tiền là 20.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của anh **Đỗ Thu Đ** (tên thường gọi là **T4**) số lượng khoảng 230 tấn lúa với số tiền 70.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của bà **Nguyễn Thị S**, số lượng khoảng 60 tấn lúa với số tiền 33.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của anh **Nguyễn Thanh T5** số lượng khoảng 60 tấn lúa với số tiền 10.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của ông **T6** (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) số lượng khoảng 40 tấn lúa với số tiền 12.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của anh **Lê Quang T2**, số lượng khoảng 80 tấn với số tiền 27.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của ông **Nguyễn Văn C** số lượng khoảng 60 tấn lúa với số tiền 25.000.000đồng.

- Đặt cọc mua lúa của bà **Trần Thị T7** (tên thường gọi là **Hai T8**, số lượng khoảng 40 tấn lúa với số tiền 9.000.000đồng.

Anh **M** là người trực tiếp đưa tiền cọc cho ông **T3**, ông **X**, ông **D1**, ông **G**, anh **D**, bà **S**, anh **T5**, ông **T6**, anh **T2**, bà **T7** và ông **C**. Khi đưa tiền cọc thì các bên có làm hợp đồng đặt cọc (02 bản), mỗi bên giữ 01 bản, hợp đồng đặt cọc sau đó anh **M** đã đưa lại cho ông **B** giữ. Sau này, ông **B** mua lúa của những người nêu trên thì ông **B** đã trừ số tiền anh **M** đã đặt cọc vào tiền ông **B** mua lúa và các bên xé bỏ hợp đồng đặt cọc, không ai còn giữ.

Những người mà anh **M** đưa tiền cọc để mua lúa cho ông **B**, hiện nay còn ông **T3**, ông **X**, ông **G**, ông **T6** phía anh **M** không biết họ tên và địa chỉ họ ở đâu, nên không có tranh chấp yêu cầu gì đối với họ.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông **B** thừa nhận trước đây có quen biết anh **M** do anh **M** làm nghề cò lúa. Trong năm 2021, anh **M** có giới thiệu cho ông **B** mua lúa của nhiều nông dân, số lượng là 250 tấn, hoa hồng là 20.000đ/tấn, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ. Tuy nhiên, do lúa của các nông dân mà anh **M** giới thiệu cho ông **B** mua không đạt chất lượng nên sau đó ông **B** chỉ đồng ý mua 50 tấn lúa và đã trả tiền đủ hoa hồng cho anh **M** là 50 tấn x 20.000đ/tấn = 1.000.000đồng.

Ông **B** xác định không có vay tiền của anh **M** để trả tiền mua lúa cho ông **T1**, bà **D**, bà **S**, anh **Sa L**, ông **C** như lời trình bày của anh **M**. Ông **B** không có quen biết ông **T1**, bà **D**, bà **S**, anh **Sa L**, ông **C** và cũng không có mua lúa của những nông dân này nên không có việc ông **B** vay tiền của anh **M** để trả tiền mua lúa cho những nông dân trên.

Đối với anh **Lê Quang T2**, ông **B** thừa nhận vào tháng 5/2021 âm lịch ông **B** có mua lúa của anh **T2** số lượng 50 tấn, giá 6.500đ/kg, thành tiền là 325.000.000đồng. Sau khi cân lúa xong thì ông **B** có điện thoại cho anh **M** yêu cầu trừ vào tiền cọc mà ông **B** đã đưa cho anh **M** vào tiền mua lúa của anh **T2** nhưng anh **M** không đồng ý vì không Bé không thu mua đủ số lượng 250 tấn lúa như thỏa thuận trước đó. Vì vậy, anh **T2** yêu cầu ông **B** phải làm biên nhận nợ tiền mua lúa của anh **T2** là 129.402.000đồng, qua hôm sau ông **B** đã trả đủ số tiền trên cho anh **T2** nhưng ông **B** quên yêu cầu anh **T2** trả lại biên nhận.

Đối với số tiền thuê đội bốc vác của anh **Nguyễn Văn N**, ông **B** thừa nhận, tháng 5/2021 anh **M** có thuê anh **N** vác lúa xuống ghe cho ông **B**, số lượng là 50 tấn x 60.000đ/tấn = 3.000.000đồng. Sau khi vác lúa xuống ghe xong thì ông **B** đã trả tiền xong.

Nay ông B không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh M về việc trả số tiền vay là 342.976.000đồng, tiền hoa hồng giới thiệu mua lúa là 30.000.000đồng và trả lãi phát sinh.

Ngoài ra, vào tháng 3/2021 âm lịch (không nhớ ngày) ông B có thỏa thuận miệng với anh M để tìm mua dùm ông B 250 tấn lúa, giá 6.500đ/kg (giá cố định), huê hồng anh M được hưởng 20đ/kg, sau khi thỏa thuận xong ông B có đưa cho anh M số 250.000.000đồng cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 3/2021 âm lịch (không nhớ ngày) đưa số tiền 100.000.000đồng tại quán cà phê ở C.

Lần 2: Tháng 3/2021 âm lịch (không nhớ ngày), cách lần thứ 1 khoảng 07 ngày, đưa số tiền 100.000.000đồng tại quán cà phê ở C.

Lần 3: Tháng 3/2021 âm lịch (không nhớ ngày), cách lần thứ 2 khoảng 07 ngày, đưa số tiền 50.000.000đồng tại quán cà phê ở C.

Các lần ông B đưa tiền cho anh M không có ai chứng kiến và cũng không làm giấy tờ do tin tưởng nhau.

Ngày 28/5/2021, ông B đến ruộng để cân lúa của nông dân, do lúa không đạt chất lượng nên ông B chỉ đồng ý mua lúa của anh Lê Quang T2 (anh Trung đại d bán lúa cho anh T2, ông N1) với số lượng 50 tấn, giá 6.500đ/kg.

Sau khi cân lúa của anh T2 xong thì ông B có điện thoại cho anh M yêu cầu trừ vào tiền cọc mà ông B đã đưa cho anh M vào tiền mua lúa của anh T2 nhưng anh M không đồng ý. Vì vậy, anh T2 yêu cầu ông B phải làm biên nhận nợ tiền mua lúa của anh T2 là 129.402.000đồng, qua hôm sau ông B đã trả đủ số tiền trên cho anh T2 nhưng ông B quên yêu cầu anh T2 trả lại biên nhận. Vì vậy, anh M đã lấy biên nhận này để khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ cho anh M.

Đối với ông T3, ông X, ông D1, ông G, anh D, bà S, anh T5, ông T6, ông C, bà T7, phía ông B xác định không quen biết, không có giao dịch mua bán lúa với những người này.

Nay ông B yêu cầu anh M trả cho ông B số tiền 250.000.000đồng đã đưa cho anh M để đặt cọc mua lúa và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử, với mức lãi suất 0,83%/tháng.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Khoảng tháng 4/2021, anh N vác lúa thuê cho ông B số lượng là 107 tấn x 60.000đ/tấn = 6.420.000đ. Sau khi vác lúa xuống ghe cho ông B xong, ông B không có trả tiền công bốc vác cho anh N. Do đó (khoảng 3 ngày sau) anh N có điện thoại cho ông B đòi tiền công bốc vác thì ông B nói để vay tiền của anh M trả anh N. Vì vậy, anh N có trực tiếp đến gặp anh M lấy tiền công bốc vác là 6.420.000đ. Còn việc thỏa thuận vay tiền, đặt cọc mua bán lúa giữa anh M và ông B phía anh N không biết.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 có văn bản ý kiến trình bày:*



Tháng 4/2021, anh **M** có dẫn ông **B** đến gặp ông **T1** để thỏa thuận mua lúa, giá lúa tươi 5.400đ/kg, số lượng 12.410kg. Ngày 12/4/2021, ông **B** cân lúa (do ông **T1** đại diện bán lúa cho nhiều nông dân khác) nhưng không đủ tiền trả, còn nợ lại số tiền 67.000.000đồng, nên ông **T1** không đồng ý cho ghe lúa của ông **B** đi. Sau đó, anh **M** có điện thoại cho ông **T1** đề nghị ông **T1** đưa lại số tiền 67.000.000đồng mà anh **M** đã đưa cho ông **T1** trước đó (đặt cọc mua lúa) cho ông **B** để mượn trả tiền mua lúa cho nông dân. Ông **T1** xác định số tiền trên là do anh **M** đưa cho ông **T1** trước khi ông **B** đến cân lúa. Còn việc thỏa thuận vay tiền giữa anh **M** và ông **B**, thời hạn vay như thế ông **T1** không biết.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có văn bản ý kiến trình bày:*

Bà **D** có quen biết với ông **B**, do trước đây anh **M** có giới thiệu cho ông **B** đã mua lúa của bà **D** nhiều lần. Vào khoảng tháng 4/2021 ông **B** có mua lúa của bà **D** (số lượng, giá tiền bao nhiêu thì bà **D** không nhớ rõ) nhưng không có đủ tiền trả và còn thiếu lại số tiền 10.800.000đồng. Do không biết nhà của ông **B** ở đâu nên bà **D** không cho ghe lúa của ông **B** đi.

Vì vậy, ông **B** có điện thoại cho anh **M** đến nhà bà **D**, tại nhà bà **D** anh **M** có cam kết bảo lãnh số tiền nợ của ông **B** còn nợ và ông **B** có hứa vài ngày sau sẽ trả. Khoảng 02 ngày sau, ông **B** vẫn chưa trả tiền nên bà **D** điện thoại cho anh **M** thì anh **M** có đến trả tiền cho bà **D** số tiền 10.800.000đồng.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S có văn bản ý kiến trình bày:*

Bà **S** có quen biết với ông **B**, do trước đây anh **M** có giới thiệu cho ông **B** đã mua lúa của bà **S** nhiều lần. Tháng 4/2021, ông **B** có mua lúa của bà **S** (số lượng bà **S** không nhớ) với số tiền 198.000.000đồng, nhưng ông **B** chỉ trả cho bà **S** số tiền 102.000.000đồng cộng với 33.000.000đồng tiền anh **M** đã đặt cọc do đó còn nợ lại 63.000.000đồng. Sau đó, ông **B** có điện thoại vay tiền của anh **M** nên anh **M** đã đem tiền đến nhà bà **S** đưa cho ông **B** là 63.000.000đồng để ông **B** trả nợ cho bà **S**.

Bà **S** có nghe hai bên nói chuyện, khi nào bán gạo xong sẽ trả tiền lại cho anh **M**. Còn việc anh **M** và ông **B** thỏa thuận việc vay tiền, mua bán lúa, thỏa thuận tiền hoa hồng như thế nào bà **S** không biết và ông **B** đã trả tiền lại cho anh **M** chưa thì bà **S** cũng không biết.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Sa L có văn bản ý kiến trình bày:*

Tháng 4/2021, anh **M** là có dẫn ông **B** đến mua lúa của anh **L** với giá số lượng 9.193kg, với giá là 6.500đ/kg. Sau khi cân lúa xong ông **B** còn nợ lại 59.756.000đồng, anh **L** không đồng ý cho ghe của ông **B** đi nên ông **B** có điện thoại cho anh **M** hỏi vay tiền. Sau đó, anh **M** có lại đưa cho ông **B** số tiền trên để trả cho anh **L**.

Anh **L** có nghe hai bên nói chuyện, khi nào bán gạo xong ông **B** sẽ trả tiền lại cho anh **M**. Còn việc anh **M** và ông **B** thỏa thuận việc vay mượn tiền, mua bán lúa, thỏa thuận tiền hoa hồng như thế nào anh **L** không biết.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Quang T2** có văn bản ý kiến trình bày:

Tháng 4/2021, anh **M** có dẫn ông **B** đến mua lúa của anh **T2**, số lượng 19.908kg, giá 6.500đ/kg. Ngày 18/4/2021 (âm lịch) sau khi cân lúa xong ông **B** không đủ tiền trả, còn nợ lại số tiền 129.402.000đồng nên anh **T2** không cho ghe của ông **B** đi và yêu cầu ông **B** làm biên nhận. Qua ngày hôm sau anh **T2** có nghe ông **B** hỏi vay anh **M** số tiền 130.000.000đồng để trả cho anh **T2**, sau khi ông **B** trả tiền cho anh **T2** xong thì anh **T2** đã trả biên nhận nợ lại cho ông **B**.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn C** có văn bản ý kiến trình bày:

Tháng 4/2021, anh **M** có dẫn ông **B** đến thu mua lúa của ông **C** số lượng là 1.070kg, với giá 5.600đ/kg. Sau khi cân lúa xong, ông **B** nợ lại số tiền 6.000.000đồng nên ông **C** không đồng ý cho ghe ông **B** đi. Vì vậy, ông **B** điện thoại cho anh **M**, sau đó anh **M** lại trả cho ông **C** số tiền là 6.000.000đồng.

Ông **C** có nghe hai bên nói chuyện, khoảng 3 – 4 ngày, bán gạo xong ông **B** sẽ trả tiền lại cho anh **M**. Còn việc anh **M** và ông **B** thỏa thuận việc vay mượn tiền, mua bán lúa, thỏa thuận tiền hoa hồng như thế nào ông **C** không biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Văn M** về việc yêu cầu ông **Nguyễn Văn B** trả tiền hứa thưởng, tiền nợ.

Buộc ông **Nguyễn Văn B** trả cho anh **Nguyễn Văn M** số tiền hứa thưởng là 1.000.000đồng; Tiền vốn vay là 342.976.000đồng và tiền lãi 31.313.700đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 375.289.700đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông **Nguyễn Văn B** về việc yêu cầu anh **Nguyễn Văn M** trả lại số tiền đặt cọc thu mua lúa.

Buộc anh **Nguyễn Văn M** trả cho ông **Nguyễn Văn B** số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh **Nguyễn Văn M** phải chịu 4.587.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh **M** đã nộp là 9.712.000đồng theo biên lai thu số

0000541 ngày 20/01/2022 của **Chi cục T9** án dân sự **thành phố S**. Sau khi trừ tiền án phí, anh **M** được nhận lại 5.125.000đồng.

- Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Nguyễn Văn B**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 8 năm 2022, anh **Nguyễn Văn M** kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông **M**, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông **Nguyễn Văn B**. Ngày 30 tháng 8 năm 2022 ông **Nguyễn Văn B** kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn M**, buộc ông **Nguyễn Văn M** trả lại cho ông **B** 250.000.000đồng còn nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với bị đơn về việc giải quyết nội dung vụ án.

- Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu phản tố, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nguyên đơn về việc giải quyết nội dung vụ án.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Không đồng ý trả lại cho ông **B** số tiền là 60.000.000đồng vì số tiền này anh **M** đã đặt cọc tiền lúa cho nông dân xong rồi. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh **M**, không chấp nhận kháng cáo của ông **B**.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông **B** đã trả tiền cho những nông dân mà ông đã cấy lúa xong và nay yêu cầu anh **M** trả lại 223.000.000đồng tiền đã đưa anh **M** đặt cọc mua lúa. Đối với phần tiền mượn mua lúa của anh **M**, ông **B** không thừa nhận và những nhân chứng xác nhận cho anh **M**, cấp sơ thẩm tiến hành lấy lời khai không đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa về mặt thời gian thì trong ngày 29/5/2021 ông **B** không thể cấy lúa cùng một lúc của năm người được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của ông **B**, sửa một phần bản án sơ thẩm và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **M** đối với ông **B**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.



+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, khoản tiền 67.000.000đồng ông **T1** trình bày là tiền anh **M** kêu ông **T1** đưa cho ông **B** vì anh **M** cho ông **B** mượn để trả tiền lúa cho nông dân, việc cho mượn này không có chứng cứ chứng minh. Đối với số tiền 130.000.000đồng ông **T2** khai chỉ nghe ông **B** nói mượn của anh **M** để trả tiền lúa cho anh **T2** 129.402.000đồng cũng không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, lời khai của ông **T1** và ông **T2** có sự mâu thuẫn. Do đó chỉ có căn cứ chứng minh số tiền 139.556.000đồng mà anh **M** trả cho bà **S**, bà **D**, anh **L**, anh **C**. Đối với yêu cầu phản tố của ông **B** bản án sơ thẩm buộc anh **M** trả lại 60.000.000đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Văn M**, chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Nguyễn Văn B** áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn anh **Nguyễn Văn M** về việc yêu cầu ông **Nguyễn Văn B** trả tiền hoa hồng cho 1000 tấn x 30.000đ/tấn = 30.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/6/2021 đến ngày 02/5/2022 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 2.739.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, các đương sự đều thừa nhận, anh **M** là người thực hiện công việc thu mua lúa theo yêu cầu ông **B**. Việc thỏa thuận trả tiền hoa hồng cho anh **M**, các đương sự đều thừa nhận chỉ thỏa thuận miệng, không có lập văn bản. Anh **M** cho rằng tiền hoa hồng hai bên thỏa thuận là 30.000đ/tấn và trong thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 05/2021 thì anh **M** giới thiệu cho ông **B** thu mua được 1.000 tấn lúa, nhưng lời trình bày của anh **M** không được ông **B** thừa nhận và anh **M** cũng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Ông **B** chỉ thừa nhận có thỏa thuận trả tiền hoa hồng cho anh **M** là 20.000đ/tấn và số lượng lúa mua được là 50 tấn và ông **B** đã thanh toán xong tiền hoa hồng 1.000.000đồng, nhưng cũng không có chứng cứ để chứng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông **B** có trách nhiệm trả tiền số tiền hoa hồng cho anh **M** là 1.000.000đồng là có căn cứ.

Đối với việc anh **M** kháng cáo yêu cầu ông **B** trả lãi phát sinh trên số tiền hoa hồng, nhận thấy khi thỏa thuận giao dịch nêu trên thì giữa ông **B** với anh **M** không có thỏa thuận gì về thời hạn trả hoa hồng là khi nào và cũng không có thỏa thuận trách nhiệm về việc chậm trả tiền hoa hồng, nên việc anh **M** yêu cầu tính lãi trên tổng số tiền hoa hồng mà ông **B** chậm trả là không có cơ sở để chấp nhận.

Ông M kháng cáo yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả tiền hoa hồng là 2.739.000đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Văn M, buộc anh M trả cho ông B số tiền 250.000.000đồng đã đưa cho anh M để đặt cọc mua lúa. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông B thay đổi yêu cầu kháng cáo chỉ yêu cầu anh M trả 223.000.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông B thay đổi yêu cầu kháng cáo nhưng không vượt phạm vi kháng cáo ban đầu, căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc, ông B yêu cầu anh M trả lại số tiền đưa anh M đặt cọc lúa là 223.000.000đồng. Nhận thấy, anh M thừa nhận có nhận của ông B 06 lần tiền tổng cộng là 250.000.000đồng để đặt cọc thu mua lúa. Sau khi nhận tiền anh M đã đặt cọc mua lúa của bà S là 33.000.000đồng, anh T2 là 27.000.000đồng, ông C là 25.000.000đồng, anh Đ (T4) là 70.000.000đồng, anh T5 là 10.000.000đồng, bà T7 (H) là 9.000.000đồng, ông D1 là 16.000.000đồng. Tổng cộng là 190.000.000đồng. Việc này được bà S, ông T2, ông C và lời khai của anh Đ (T4), anh T5, bà T7 (H), ông D1 đều thừa nhận có nhận số tiền tiền cọc như anh M. Ngoài ra, khi nhận tiền cọc thì các bên có làm giấy tờ và sau khi ông B cân lúa xong thì đã trừ tiền cọc vào tiền thu mua lúa. Vì vậy, số tiền anh M đã đặt cọc để thu mua lúa cho ông B là 190.000.000đồng là có thật. Số tiền còn lại 60.000.000đồng anh M trình bày đã đặt cọc cho ông X, ông T3, ông G, ông T6 nhưng anh M không cung cấp được họ tên, địa chỉ của những người này và anh M cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm buộc anh M trả lại cho ông B số tiền là 60.000.000đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa ông B trình bày số tiền 130.000.000đồng theo biên nhận ngày 28/5/2021 là đã trả cho ông T2 xong nhưng không lấy lại biên nhận việc này có bà H1 em ông T2 biết và bà H1 đã nhắc ông B lấy lại biên nhận nhưng ông B đã quên đòi lại. Hiện nay biên nhận này anh M giữ, ông B trình bày đã trả xong, việc này không được anh M thừa nhận nhưng ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả tiền xong vì vậy lời trình bày này là không có cơ sở. Mặt khác, việc ông B thừa nhận có đặt cọc hết số tiền 27.000.000đồng nhưng số tiền còn lại 223.000.000đồng, ngày 29/5/2021 là kết thúc việc giao dịch với anh M, vì sao ông B không yêu cầu anh M trả lại đến khi anh M khởi kiện Tòa án thành phố S thụ lý thông báo đến ngày 04/4/2022 sau đó gần một năm ông B mới yêu cầu anh M trả lại số tiền này. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm ông B cho rằng những lần cân lúa ông B và người em trai tên Ba cùng đi cân lúa và có thuê nhiều ghe cùng chở. Như vậy, chứng tỏ trong cùng một ngày ông B có thể cân lúa của nhiều người vẫn được.

Đối với số tiền 67.000.000đồng mà anh M cho ông B mượn lại để trả tiền mua lúa cho ông T1 ông B trình bày là thời điểm này đang mua lúa tại Long An không có mua lúa của ông T1 và đưa ra nhân chứng là anh Hà Quốc V người làm cò mua lúa cho ông tại Long An, nhưng anh V trình bày chỉ mua lúa cho ông B từ ngày 17/5/2021 và kết thúc là ngày 24/5/2021. Trong khi đó anh M trình bày

là mua lúa của ông **T1** ngày 29/5/2021, việc này được ông **T1** xác nhận. Việc anh **M** trình bày ông **B** có điện thoại anh **M** để mượn tiền trả tiền mua lúa của ông **T1** cũng được ông **T1** xác nhận. Việc ông **B** trình bày đã trả tiền xong không được anh **M** thừa nhận và ông **B** không cung cấp được chứng cứ chứng minh và vậy lời trình bày của ông **B** là không có căn cứ. Đối với giao dịch bằng lời nói bên anh **M** đưa ra được nhân chứng xác nhận cho anh **M** thì có cơ sở. Còn bên ông **B** chỉ trình bày nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, ông **B** kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho việc kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, là không có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo của anh **M** nên anh **M** phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Ông **B** được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm do là người cao tuổi.

Từ những phân tích trên nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của anh **M**, không chấp nhận kháng cáo của ông **B**. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Văn M**, và không chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Văn B**.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Văn M** về việc yêu cầu ông **Nguyễn Văn B** trả tiền hứa thưởng, tiền nợ.

Buộc ông **Nguyễn Văn B** trả cho anh **Nguyễn Văn M** số tiền hứa thưởng là 1.000.000đồng. Tiền vốn vay là 342.976.000đồng và tiền lãi 31.313.700đồng.

Tổng cộng là 375.289.700đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn M trả lại số tiền đặt cọc thu mua lúa.

Buộc anh Nguyễn Văn M trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền đặt cọc là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn M phải chịu 4.587.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.712.000đồng theo biên lai thu số 0000541 ngày 20/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc. Anh M được nhận lại 5.125.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0000959 ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

- Ông Nguyễn Văn B được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND TP. Sa Đéc;
- CCTHADS TP. Sa Đéc;
- Phòng GDKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Mỹ**